

## TƯ TƯỞNG MINH ĐẠO CỦA Nguyễn Trường Tộ

ĐỖ LAN HIỀN<sup>(\*)</sup>

Công giáo ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX không chỉ còn là một hiện tượng tôn giáo mà trở thành một vấn đề thời sự nóng bỏng, trở thành đối tượng của cuộc đấu tranh tư tưởng giữa cái gọi là “*minh đạo*” hay “*tà đạo*”. Cuộc đấu tranh tư tưởng này chủ yếu diễn ra giữa Nho giáo và Công giáo vì Nho giáo thời bấy giờ đang là tư tưởng chính thống và là lực lượng thống trị xã hội. Nho giáo chống lại Công giáo như một phản ứng tự vệ trước nguy cơ bị thôn tính về tư tưởng và chủ quyền dân tộc, do vậy các nhà Nho và cả Triều đình nhà Nguyễn lúc đó đã có những nhận định cực đoan về Công giáo và chính sách sai lầm đối với nó. Nửa cuối thế kỉ XIX, xuất hiện một số nhà tư tưởng là tín đồ Công giáo như Đặng Đức Tuấn, Nguyễn Trường Tộ, để bảo vệ đức tin, tín ngưỡng của mình, đồng thời muốn giải quyết những sai lầm trong *nhận thức* cũng như *hành động* của các nhà Nho và cả các giáo sĩ, họ đã có những tư tưởng *minh đạo, vệ đạo*. Họ muốn chứng minh rằng: Đạo Công giáo có những điểm tương đồng về tư tưởng với Nho giáo, không xa lạ với tâm thức của người Việt. Đạo Công giáo không dạy phản lại Tổ quốc, không đặt tôn giáo đối lập với lợi ích dân tộc. Tín đồ đạo Công giáo đều là *dân* nước Việt, tất nhiên không thể đi giúp nước người để làm hại nước Việt Nam. Từ trong tư tưởng, họ đấu tranh với những nhận thức và chính sách sai lầm của Triều đình đối với đạo và

giáo dân. Họ nhận thức được rằng, hơn lúc nào hết Công giáo giờ đây cần phải gắn bó với dân tộc, đứng về phía dân tộc trong sự nghiệp bảo quốc và hưng quốc, đây là cách thức tốt nhất để minh đạo và xoá đi những thành kiến, mặc cảm của Triều đình cũng như người dân ngoài Công giáo đối với đạo.

Trong hơn 50 bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ chỉ có hai bản ông đề cập về tôn giáo, còn lại giành cho các vấn đề lớn, cấp thiết lúc bấy giờ là cải cách Quốc gia, kiến thiết đất nước, đối phó với phương Tây... Song, chỉ qua một vài di thảo viết về tôn giáo của ông, chúng ta thấy có nhiều luận điểm cần trao đổi, nghiên cứu.

Trong *Giáo môn luận* ông viết: “Nước càng thịnh vượng thì tôn giáo càng nhiều. Nước đã man thì tôn giáo càng ít. Lấy tôn giáo nhiều hay ít mà xem nước ấy có hưng thịnh hay không, thì thấy *tôn giáo nhiều, nước càng hưng thịnh*”<sup>(1)</sup>. Nguyễn Trường Tộ giải thích thêm, tại sao ông đi đến nhận định như vậy, vì “Phàm nơi nào có dấu chân người đặt đến thì các tôn giáo cũng theo dấu chân người mà vào. Hễ nước nào có thanh danh văn vật, xứ nào có giao thông trù mật thì người theo đạo đông đúc.”<sup>(2)</sup>.

\*. TS, Viện Triết học.

1. Trương Bá Cần. *Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1988, tr. 117.

2. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 117

Chúng ta không đồng tình với ông khi lấy tôn giáo làm thước đo cho sự văn minh hay dã man, thịnh vượng hay không thịnh vượng của một xã hội. Văn minh là một khái niệm dùng để chỉ trình độ phát triển về cả vật chất lẫn tinh thần của một xã hội, và *tinh thần* của một xã hội lại không chỉ có một yếu tố duy nhất là *Tâm linh* hay *Tôn giáo*. Chỗ này có lẽ Nguyễn Trường Tộ muốn chứng minh, tôn giáo (đặc biệt là Công giáo) không phải là nguyên nhân đưa đến việc mất nước, “Chưa nghe thấy nước nào vì nhiều đạo giáo mà phải mất nước cả”<sup>(3)</sup>, cũng như không làm đổi bại phong hoá của những dân tộc được truyền giáo.

Trong *Giáo môn luận*, chúng ta bắt gặp những lập luận giành cho việc *minh đạo* của Nguyễn Trường Tộ. Để chứng minh rằng đạo Công giáo không xa lạ với tâm thức của người Việt, ông đã chỉ cho thấy những điểm tương đồng về tư tưởng giữa Nho giáo và Công giáo đều lấy *trung hiếu* làm gốc. Theo ông, “Lí thuyết và lễ văn của các tôn giáo tuy có khác nhau, nhưng đem hết sách của các tôn giáo ra mà xem thì không tôn giáo nào không lấy trung hiếu làm gốc. Nếu không như thế người có lương tâm ai chịu tin theo”<sup>(4)</sup>.

Tiếp theo ý đó, để biện minh cho đạo, ông lập luận tôn giáo bản chất là dạy điều thiện, còn người theo đạo làm điều sai trái đấy là tội của họ chứ không thể đổ cho tại giáo pháp ấy. Xưa nay, ai chẳng đọc sách thánh hiền sao vẫn có những loạn thần, tặc tử. Do vậy, *nếu lấy tội nhân mà phê bình giáo pháp thì coi như không còn công lí*. Ông viết: “Xưa nay, những loạn thần tặc tử ai là người không đọc sách, ai là người không phục lời của Khổng Mạnh. Có sao lại trộm lấy cái trí năng của Thánh hiền mà làm thân đạo tặc? Như thế là lỗi tại ai? Tại

người hay tại tôn giáo?”<sup>(5)</sup>. Điều đó có nghĩa là cần phải phân biệt giữa tôn giáo với tư cách là đức tin, tín ngưỡng của con người với tôn giáo đã được con người dùng cho một mục đích chính trị ngoài phạm vi tín ngưỡng.

Mạnh mẽ hơn, ông đả phá lối tư duy của nhà Nho thường coi rẻ xem khinh những gì không phải là Khổng, là Mạnh. Ông viết: “Nếu cứ ai đồng tình với mình thì dù tệ cũng bỏ qua, còn ai khác với mình thì chỉ trích khắt khe mà đổ cho giáo pháp ấy không tốt, thử hỏi công lí ở đâu?”<sup>(6)</sup>.

Mọi luận lí biện minh cho đạo của Nguyễn Trường Tộ mục đích cuối cùng là đi đến kết luận: Cấm đạo không phải là cách để diệt trừ hay ngăn chặn sự phát triển của tôn giáo. Ngược lại, càng cấm, càng giết thì đạo càng phát triển. “Máu kẻ tử đạo sẽ là hạt giống sinh ra những người Kitô hữu”<sup>(7)</sup> và lịch sử truyền giáo đã chứng minh thực tế đó, đạo Kitô từ thế kỉ I đến thế kỉ IV từng bị đế quốc La Mã ngăn chặn và tiêu diệt. Song, đạo Kitô không những tồn tại được mà còn ngày một phát triển, thậm chí sau đó trở thành quốc giáo của La Mã.

Do vậy, Nguyễn Trường Tộ đúng khi nhận định: Đối với tôn giáo mà “Giết một người thì có mười người theo, giết mười người thì có vạn người theo thêm. Vua tướng các nước đã không tiêu diệt nổi đạo, mà trong lại được cảm hoá”<sup>(8)</sup>.

Với một Thiên đạo quan, Nguyễn Trường Tộ nêu: “Vua đảm đương công việc giúp thượng đế không phải là Vua có thể

3. Trương Bá Cần. Sdd, tr. 117.

4. Trương Bá Cần. Sdd, tr. 117.

5. Trương Bá Cần. Sdd, tr. 117.

6. Trương Bá Cần. Sdd, tr. 117.

7. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*. UBĐKCG Tp. Hồ Chí Minh, số 7, năm 1999.

8. Trương Bá Cần. Sdd, tr. 118.

biệt lập một trời đất mà một mình cầm quyền được, chẳng qua chỉ là nhân các dân vật đã được thượng đế tạo thành an bài đó mà làm cho an ổn, để thông suốt cái trí của thiên hạ, để soi thấu cái tình của muôn vật mà thôi. Như thế *sao lại muốn chấn hưng hay tiêu diệt được để trái lại trời hay sao?*<sup>(9)</sup>, “những cái gì mà trời dung thì người không thể diệt được hết.”<sup>(10)</sup>.

Tôn giáo nói chung và đạo Công giáo nói riêng có thể tồn tại và phát triển được không phải vì những lí do nêu trên. Vấn đề này phải được xem xét từ nhiều khía cạnh: hoàn cảnh ra đời, vị trí, vai trò của tôn giáo trong đời sống tinh thần xã hội. Thực tế, thời kì Jesus đế quốc La Mã bắt đầu giai đoạn chinh chiến mở mang lãnh thổ, xóa sổ hàng loạt nước thuộc khu vực Địa Trung Hải trở thành một Đế chế chiếm hữu nô lệ hùng mạnh. Chiến tranh gây nên thảm họa cho dân lành, nạn áp bức, nô dịch cùng cực đổ lên đầu người nô lệ khiến cho không ít các cuộc khởi nghĩa nô lệ bùng nổ, điển hình nhất là cuộc khởi nghĩa Spactaquie, nhưng rút cục lại thất bại. Quân chúng nhân dân bị đặt vào trong một nỗi lo mới của thực tế xã hội, lòng tin ở một đấng thiêng liêng luôn che chở cho họ bị lung lay (người Do Thái tin ở một Đức Chúa Trời là Jehovah luôn che chở cho họ và chọn họ là dân của Người). Chính trong điều kiện lịch sử, xã hội, văn hoá ấy Jesus Kitô ra đời. Giáo lí của nó lại tuyên truyền và đấu tranh cho sự bình đẳng, giải phóng nô lệ, xoá bỏ giai cấp “Vậy không còn phải phân biệt Hy-lạp hay Do-thái, cắt bì hay không cắt bì, man rì, mọi rợ, nô lệ, tự do...” [Cl 3:11] và “Người xét xử thế giới theo lẽ công minh, cai trị muôn dân theo đường chính trực. Chúa là thành che chở người bị áp bức, là thành che chở trong những lúc ngặt nghèo”

[Tv 9:9-10]. Chính nhờ những yếu tố đó, Kitô giáo đã được đông đảo người Do Thái đón nhận, mặc dầu bị sự ngăn chặn của nhà cầm quyền, nhưng họ vẫn như bị cuốn hút bởi một tinh thần nhân đạo, một sự lấp chỗ trống trong tâm linh, một hi vọng vượt lên trên hoàn cảnh và số phận. Hơn thế nữa, về phía Nhà nước, nhận thấy Kitô giáo lúc bấy giờ có khả năng đem lại sự đoàn kết, tập hợp được đám đông và phấn khích tinh thần đám đông ấy, cũng như toàn bộ tư tưởng đạo đức của nó có ý nghĩa giáo dục rất tích cực trong đời sống con người. Do vậy, đạo Kitô dần dần chiếm được vị trí trong đời sống xã hội của La Mã.

Để *minh đạo* và *vệ đạo* Nguyễn Trường Tộ chỉ ra những sai lầm cần phải thay đổi trong chính sách tôn giáo của Triều đình. Những ý tưởng mà Nguyễn Trường Tộ nêu lên sau đây, thiết nghĩ có nhiều hạt nhân hợp lí cho một chính sách tôn giáo phù hợp với con người, xã hội Việt Nam hôm nay.

*Thứ nhất*, không nên lấy tôn giáo mà phân biệt đối xử giữa người có tín ngưỡng và không tín ngưỡng, cũng như việc đánh giá con người thông qua tín ngưỡng của họ. Ông viết: “Vua đối với dân, là người thay trời mà chăn dắt, theo ý trời mà hành động. Dân sinh ở trên đời, tuy tiếng nói có khác nhau, sự yêu chuộng cũng khác nhau, đến hay đi, nghịch hay thuận, miễn sao biết trung hiếu là được cần gì phải câu nệ hình tích bên ngoài mà không xét đến cái gốc ở trong tâm”<sup>(11)</sup>.

*Thứ hai*, con người ta phải được quyền lựa chọn tín ngưỡng cho mình, không được bắt ép theo hoặc không theo một tôn giáo

9. Trương Bá Cẩn. Sđd, tr. 117.

10. Trương Bá Cẩn. Sđd, tr. 118.

11. Trương Bá Cẩn. Sđd, tr. 115.

nào. Ông lập luận: “Cưỡng ép phải giống nhau để gây ra rối loạn. Vì thế các bậc Thánh Vương sửa đổi luật pháp mà không thay đổi tập tục, sắp đặt việc chính trị mà không thay đổi cái gì vốn đã thích nghi cuộc sống”<sup>(12)</sup>.

*Thứ ba*, không phân biệt tốt xấu giữa các tôn giáo khác nhau. Mọi tôn giáo phải được đối xử bình đẳng, không xúc phạm vào niềm tin, tín ngưỡng của tôn giáo khác. Chỗ này, Nguyễn Trường Tộ lấy tư tưởng của đạo Công giáo về cái gọi là tạo vật sinh ra muôn loài trong một sự an bài và sắp đặt trước, “Tạo vật đối với muôn loài các việc ăn nghỉ ham muốn đều được theo xu hướng của nó” để khẳng định “Lấy lớn ngược đãi nhỏ, hộp nhỏ chống lại lớn thì chẳng bao lâu sẽ bị tiêu diệt. Đó chẳng phải là điều tối kị của tạo vật hay sao?”<sup>(13)</sup>.

*Thứ tư*, cấm đạo, giết đạo đều làm nên sai lầm của chữ Hoà, hoà khí của trời đất, hoà khí của dân tộc, hoà khí của dân, tạo nên cái thế không thể sống cùng giữa dân đạo và không đạo cũng như giữa dân đạo và dân tộc, làm sao tạo được sự đồng tâm, đồng lòng và sức mạnh của sự đoàn kết toàn dân tuân theo ý chí của Triều đình chống giặc, xây dựng đất nước. Ông viết: “Tuy Chương Vương trong Kinh Lễ có nói bất tả đạo, sách Luận Ngữ có nói chống dị đoan, thế mà thiên hạ không biết bao nhiêu người đã bỏ Phật theo Lão, Thánh Vương cũng không nỗ lực tuyệt. Bởi vì ghét người ta cho lắm chỉ gây thêm mối loạn mà thôi, vả lại Thánh Vương cũng không dám làm tổn hại đến cái to tát bao dung của trời đất”<sup>(14)</sup>. Thứ đến, “Không thấy như con đối với cha mẹ đó sao, hễ đòn nhỏ thì chịu, đòn lớn thì bỏ chạy là vì lợi hại thiết thân, không thể không được. Vì vậy sự thuận mệnh cũng có khi không thể không làm được”<sup>(15)</sup>. Trong di

thảo số 14 - *Tình hình lương giáo ở Nghệ An*, ông đã phân tích: khi Pháp xâm lược, Triều đình chưa rõ nguyên nhân đã nghi ngờ hết thầy người có đạo và thực hiện chính sách *phân tháp* chỉ là để thoả mãn cho cái sự nghi ngờ của mình, đâu có biết đến cái hại của chính sách đó là đã chia rẽ Lương- Giáo, “... Hai bên Lương, Giáo lòng đang sôi sục. Một bên nói không thể nào chung sống, phải giết cho hết tiết mới thôi. Một bên thì nói con thú mà bị khốn quẫn còn cần cần hưởng chi là con người, nếu bên kia không để cho cùng sinh, cùng dưỡng, thì bên này cũng không để bó tay chịu trời...”<sup>(16)</sup>. Từ chỗ mâu thuẫn tôn giáo sẽ dẫn đến những xung đột xã hội khác ngoài vấn đề tôn giáo mà chúng ta không thể lường trước được, điều đó không có lợi cho Quốc gia.

Nguyễn Trường Tộ đã chỉ ra hậu quả của việc phân biệt Lương - Giáo là tạo nên *cái thế không thể sống cùng* giữa Lương và Giáo, dù Triều đình có ra sắc chỉ bỏ cấm đạo thì mâu thuẫn Lương-Giáo vốn đã tạo nên sẽ khó bề điều hoà. Dân tình thế thái mà như thế hỏi sao xã hội yên ổn lâu dài được?

*Thứ năm*, chính sách đối với tôn giáo phải được nhìn nhận một cách thận trọng và xem xét đến cả khía cạnh “Tình cảm tôn giáo” của con người, vì động chạm đến tôn giáo là động chạm đến góc tâm linh sâu thẳm của con người dễ đưa đến mâu thuẫn giữa tôn giáo và dân tộc. Ông viết: “Giáo dân cũng là người trong nước, đều là người cả, cũng là dân của Trời, sự ăn ở có liên quan nhau, vui buồn có liên quan nhau. Lễ

12. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 115.

13. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 115.

14. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 115.

15. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 116.

16. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 182.

nào bên này động mà bên kia yên được sao?. Trời đất đối với các hành tinh như một nước đối với dân chúng, sự liên quan tùy thuộc một lẽ như nhau. Nếu trên trời có một hành tinh bị động, các hành tinh khác nhân đó cũng biến đổi, huống chi dân là gốc của nước, dân bị tao động lẽ nào nước không sinh hoá loạn”<sup>(17)</sup>.

*Thứ sáu*, tín đồ tôn giáo cũng như mọi công dân đều phải tuân thủ luật pháp của Nhà nước, nếu không sẽ bị coi là phản nghịch và phải bị xét xử, áp dụng hình pháp không tha để “cho đạo giáo được trong sạch”. Còn đức tin, tín ngưỡng là một nhu cầu tinh thần riêng tư, *không thể bắt phải nhất tề thống nhất*<sup>(18)</sup>.

Qua đó chúng ta có thể thấy những tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ về tôn giáo thực sự đạt đến tâm lí luận khái quát cao. Song, trong những tư tưởng *minh đạo* của ông chúng ta không thấy ông bàn đến các vấn đề về giáo lí, mặc dù giáo lí Công giáo thời đó đang bị nhìn nhận một cách cực đoan. Có lẽ, điều mà ông quan tâm hơn cả là giải quyết làm sao cho ổn thoả mối quan hệ giữa Công giáo và dân tộc. Hơn nữa, mối quan tâm trước mắt là phải kiến thiết đất nước. Do vậy, ông ít quan tâm đến vấn đề thuộc về nội dung tư tưởng hay những triết lí mang tính kinh điển, học thuật.

Chúng tôi muốn lưu ý đến một vấn đề, Nguyễn Trường Tộ là một tín đồ Công giáo cho nên tư tưởng của ông luôn bị chi phối bởi một vũ trụ quan, nhân sinh quan Công giáo. Trong các luận điểm không chỉ riêng về tôn giáo mà tất cả các vấn đề khác, ông đều viện đến cái thế giới quan Công giáo ấy mà lập luận. Chẳng hạn, khi muốn chứng minh cho tính tất yếu của sự khác nhau giữa Công giáo và Nho giáo hay với các tôn

giáo, triết thuyết khác ông cho rằng, Thượng đế sáng tạo ra muôn vật để thoả lòng hiếu sinh của mình mà “Sinh tức là làm cho mọi vật đều bảo toàn được cái thiên tính của mình”<sup>(19)</sup>. Do vậy, không nên chống lại nó hay bắt nó phải tề nhất. Chỗ khác, ông quan niệm, Chúa quyền năng tối cao có thể thống nhất tất cả mọi vật gì đối lập nhau, “Muôn vật sống chung đụng với nhau, nhưng mỗi vật đều thuận theo tính của nó, hợp với cái dụng của nó, theo đường hướng của nó, đều tự thích nghi, thành hoại thông với nhau, tán mạn đặc thù đều quy về một mối. Sở dĩ trời đất vĩ đại là vì thế”<sup>(20)</sup>. Cũng theo ông, Thượng đế là người có quyền năng cao nhất vì chỉ là “Một” mà sáng tạo ra vô số sự vật, “Tạo vật nặn đúc ra không đồng một hình dạng, một khuôn khổ, một ngôi vị, một xứ sở, mà sinh ra vô số hình thái khác nhau, phương hướng khác nhau để nhiếp trị. Thế mới thấy được cái giàu lớn khéo giỏi của Tạo vật”<sup>(21)</sup>. Thượng đế tạo ra con người và tôn giáo riêng, không bắt ép cái này nhập vào cái kia là vì có thâm ý trong đó. Cho nên, con người cũng đừng bắt ép phải tề nhất tôn giáo. Tương tự như vậy, khi muốn chứng minh cho việc tất yếu cần phải thông thương, Nguyễn Trường Tộ cũng viện đến “Tạo vật lại sợ con người yên phận thủ thường không chịu qua lại với nhau, nên về đất đai mới sinh ra thổ nghi khác nhau, tốt xấu khác nhau để nhân đó giao thông qua lại với nhau”<sup>(22)</sup>.

Thiên đạo quan ở Nguyễn Trường Tộ mang một màu sắc *quyết định luận* theo

17. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 116.

18. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 118.

19. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 115.

20. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 115.

21. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 117.

22. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 135.

kiểu “Trời sinh ra con người không phải chỉ sinh con người trơ trụi mà trước tiên sinh vạn vật để đủ cho con người sinh sống - mở đầu sách *Cựu Ước* có nói đến đoạn này. Cũng như Kinh Dịch cũng có nói: “Có muôn vật rồi mới có nam nữ. Đó chính là điều khẩn thiết trước nhất đối với con người”.<sup>(23)</sup>

Đọc các di thảo của Nguyễn Trường Tộ, chúng ta bắt gặp thấy nhiều đoạn, nhiều ý trong *Giáo môn luận*, *Thiên hạ đại thế luận*, *Tế cấp bát điều*, *Dụ tài tế cấp bả từ* (*Lục lợi từ*), *Về chính sách nông nghiệp*, *Đàm thiên luận*, và một số di thảo khác, ông sử dụng phương pháp luận này làm tiền đề cho mọi lập luận của ông.

Khi cắt nghĩa sự khác nhau giữa con người và con vật, ông cho đó là ở trí tuệ thì đúng. Song, ông lại xem trí tuệ như một điều mà Chúa ban cho con người để giúp tạo hoá hoàn thiện những chỗ còn thiếu sót thì chúng ta vẫn thấy thấp thoáng đâu đây cái thuyết quyết định luận thần học ấy. Ông viết: “giả như trời đất chỉ có một vật không có linh giác, mà lại không có con người thông minh trí tuệ sống ở trong đó để nuôi nấng điều động, giúp cho tạo hoá những chỗ thiếu sót thì cái công dụng tạo thành trời đất, tạo thành vật loại cũng chưa làm tỏ được chỗ kì diệu của tạo vật”<sup>(24)</sup>.

Bên trong cái vỏ quyết định luận ấy, chúng ta vẫn thấy hiện lên những quan điểm duy vật, khoa học. Đây là điểm mâu thuẫn trong tư tưởng Nguyễn Trường Tộ và có thể lí giải điều này. Vào thời điểm đó, việc thuyết phục Vua và Triều đình chấp nhận

những đề nghị của ông là một việc làm hết sức khó khăn. Do vậy, một mặt ông phải viện đến *Tạo vật*, *Thánh thần*, viện đến *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh*, những cái mà nhà Nho hay dùng để biện minh cho những chủ trương của mình. Mặt khác, những luận điểm của ông là kết quả của sự tự nhận thức, nghiên cứu, học tập từ thực tiễn của tình hình chính trị - xã hội thế giới mà rút ra, không hề viện đến Thượng đế hay tạo vật nào hết cả. Ông thực sự tâm đắc và đề cao những vấn đề của khoa học, thực nghiệm, thực hành, nên tự đi đến chỗ đặt tư tưởng của mình trái ngược với những tín điều Công giáo. Trong những bản điều trần bản về vấn đề Khoa học (*Đàm thiên luận*), *Về lối học thực dụng*, *kế hoạch khai thác tài nguyên đất nước* (*Khai hoang từ*), *Ngôi Vua là quý chức quan là trọng*, và hàng chục bản điều trần khác chúng ta thấy rõ cách nhìn duy vật về tự nhiên và xã hội ở ông.

*Giáo môn luận* là một trong ba bản điều trần (*Thiên hạ phân hợp đại thế luận*, *Giáo môn luận*, *Tế cấp bát điều*) mà ông quan tâm và coi trọng nhất gửi lên Triều đình trước tiên. Nói cho cùng, nếu bỏ đi phần *Thiên đạo quan* ở Nguyễn Trường Tộ thì nhiều tư tưởng minh đạo, nhiều luận điểm về tôn giáo của ông thực sự vượt lên trên tư tưởng Việt Nam đương thời trong việc nhận thức về tôn giáo và chính sách đối với nó, góp phần tạo nên những nhận thức đúng đắn về tôn giáo nói chung và Công giáo nói riêng./.

23. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 394.

24. Trương Bá Cần. Sđd, tr. 186.